|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BÁO GIẢNG TUẦN 17 (TỪ NGÀY 25/12/2023 ĐẾN NGÀY 29/12/2023)** | | | | | | | |
| **THỨ** | **TIẾT** | | **MÔN** | **TIẾT THỨ** | **NỘI DUNG BÀI DẠY** | **ƯDCNTT** | **ĐỒ DÙNG  DẠY HỌC** |
| **Hai 25/12** | **S** |  | **GDTT** |  | VHGT. Bài 5: Tôn trọng người điều khiển giao thông |  |  |
| 46 | **Toán** | 81 | Luyện tập chung | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 19 | **Tập đọc** | 33 | Ngu công xã Trịnh Tường | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| 10 | **Đạo đức** | 17 | Hợp tác với những người xung quanh (tiết 2 ) | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| **C** |  | **Khoa học** | 33 | Ôn tập học kì 1 | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| 6 | **T(BS)** |  | Luyện toán | Soi bài | Máy tính, tivi |
| 7 | **Thể dục** | 33 | Trò chơi: “Chạy tiếp sức theo vòng tròn” |  | Còi, sân tập, bóng. |
| 8 |  |  |  |  |  |
| **Ba 26/12** | **S** | 1 | **Tiếng Anh** | 33 | Review 2 |  |  |
| 2 | **Toán** | 82 | Luyện tập chung | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 3 | **Chính tả** | 17 | Nghe - viết: Người mẹ của 51 đứa con | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 4 | **LTVC** | 33 | Ôn tập về từ và cấu tạo từ | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| **C** | 5 | **Lịch sử** | 17 | Ôn tập học kì 1 | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| 6 | **TV(BS)** |  | Luyện Tiếng Việt | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 7 | **Thể dục** | 34 | Đi đều vòng phải, vòng trái - Trò chơi: “Chạy tiếp sức theo vòng tròn” |  | Còi, sân tập. |
| 8 |  |  |  |  |  |
| **Tư 27/12** | **S** | 1 | **Toán** | 83 | Giới thiệu máy tính bỏ túi | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 2 | **Âm nhạc** | 17 | Ôn: Reo vang bình minh - Hãy giữ cho em bầu trời xanh. Ôn tập TĐN số 2 |  |  |
| 3 | **Kể chuyện** | 17 | Kể chuyện đã nghe, đã đọc | Chiếu tranh | Máy tính, tivi. |
| 4 | **Tập đọc** | 34 | Ca dao về lao động sản xuất | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| **C** | 5 | **Kĩ thuật** | 17 | Thức ăn nuôi gà | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| 6 | **T(BS)** |  | Luyện toán | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 7 | **TH(TV)** |  | Ôn tập | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 8 |  |  |  |  |  |
| **Năm 28/12** | **S** | 1 | **Tiếng Anh** | 34 | Revision |  |  |
| 2 | **Toán** | 84 | Sử dụng máy tính bỏ túi để giải toán về tỉ số phần trăm | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 3 | **TLV** | 33 | Ôn tập về viết đơn | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 4 | **LTVC** | 34 | Ôn tập về câu | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| **C** | 5 | **Địa lí** | 17 | Ôn tập học kì 1 | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| 6 | **TV(BS)** |  | Luyện Tiếng Việt | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 7 | **GDTT** |  | Sinh hoạt lớp |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |
| **Sáu 29/12** | **S** | 1 | **Toán** | 85 | Hình tam giác | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 2 | **Mĩ Thuật** | 17 | Chủ đề 7: Tìm hiểu tranh theo chủ đề: Ước mơ của em (Tiết 1) |  |  |
| 3 | **TLV** | 34 | Trả bài văn tả người | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 4 | **Khoa học** | 34 | Kiểm tra học kì 1 |  | Đề kiểm tra |
| **C** | 5 |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 17**

**Thứ Hai ngày 25 tháng 12 năm 2023**

**Tiết 1 GIÁO DỤC TẬP THỂ**

**Văn hoá giao thông**

**Bài 5: Tôn trọng người điều khiển giao thông**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng**

- HS biết chấp hành theo lệnh của người điều khiển giao thông hoặc cảnh sát giao thông.

- Phản đối những hành động không chấp hành theo lệnh của người điều khiển giao thông hoặc cảnh sát giao thông.

\* Giáo dục: HS có ý thức chấp hành hành theo lệnh của người điều khiển giao thông hoặc cảnh sát giao thông.

**2. Năng lực**: Học sinh thực hiện và nhắc nhở bạn bè, người thân thực hiện đúng quy định, đảm bảo an toàn giao thông. Phản đối những hành động không chấp hành theo lệnh của người điều khiển giao thông hoặc cảnh sát giao thông.

**3. Phẩm chất:** Học sinh có thái độ, hành vi lịch sự, lời nói văn minh với người điều khiển giao thông hoặc cảnh sát giao thông.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**Giáo viên:** Tài liệu văn hoá giao thông. Phiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động - kết nối:** (3-5’)  - Mở video  - Khi tham gia giao thông, nếu va chạm với người khác, cho dù có đúng hay sai, em cần ứng xử như thế nào?  - GV nhận xét, tuyên dương, dẫn dắt vào bài  **2. Hình thành kiến thức**  ***a. HĐ1: Đọc truyện: Chấp hành và tôn trọng (6- 8’)***  *\* Mục tiêu:* HS có hành vi ứng xử văn minh lịch sự, có lí, có tình khi tham gia giao thông  *\* Cách tiến hành:*  - GV đọc truyện: Chấp hành và tôn trọng/20.  - Chia lớp thành 4 nhóm.  \* GV kết luận, chốt lại ý đúng: người điều khiển giao thông mặc áo xanh lam, tay phải có băng vải đỏ, cầm que chỉ đường và thường sử dụng còi khi điều khiển giao thông. Cần chấp hành theo lệnh của người điều khiển giao thông và tôn trọng họ để giữ gìn trật tự giao thông.  - HS đọc ghi nhớ sgk/21  ***b.HĐ 2: Hoạt động thực hành (9- 10’)***  *\* Mục tiêu:*HS phản đối những hành động không chấp hành theo lệnh của người điều khiển giao thông hoặc cảnh sát giao thông. Chấp hành và tôn trọng người điều khiển giao thông hoặc cảnh sát giao thông.  *\* Cách tiến hành:*  *Bài 1: Xem hai hình ảnh dưới đây và nêu ý kiến*  - Chia lớp thành nhóm 4. Đưa hình ảnh lên MH  - GV nhận xét.  \* GV: Cần chấp hành theo lệnh của cảnh sát giao thông. Nếu không chấp hành tốt dễ va chạm giao thông.  *Bài 2: Ghi Đ vào ô trống ở hình ảnh thể hiện hành động đúng, ghi S vào ô trống ở hình ảnh thể hiện hành động sai*  - Chia lớp thành nhóm 4. Đưa hình ảnh lên MH  - GV nhận xét.  \* GV: Các em cần lên án những hành động không chấp hành theo lệnh của người điều khiển giao thông hoặc cảnh sát giao thông. Nếu không chấp hành là vi phạm Luật Giao thông, vi phạm pháp luật. Cần chấp hành theo lệnh của người điều khiển giao thông hoặc cảnh sát giao thông.  - HS đọc ghi nhớ sgk/22  ***c, HĐ 3. Ứng dụng: Thảo luận tình huống (9- 10’)***  *\* Mục tiêu:*HS phản đối hành động sai trái của Thư vì không tuân theo lệnh của người điều khiển giao thông.  *\* Cách tiến hành:*  - GV phát phiếu tình huống sgk/22 - 23 cho các nhóm.  - GV: Lệnh của người điều khiển giao thông cũng giống như cảnh sát giao thông. Cần tôn trọng và chấp hành đúng theo lệnh của người điều khiển giao thông.  - Tuyên dương.  \* Gọi HS đọc ghi nhớ sgk/23  **3. Hoạt động nối tiếp** (3- 5’)  - Giáo dục HS chấp hành tốt lệnh của người điều khiển giao thông hoặc cảnh sát giao thông. Phản đối những hành động không chấp hành theo lệnh của người điều khiển giao thông hoặc cảnh sát giao thông.  - GV đánh giá tình hình, thái độ học tập của HS.  - Chuẩn bị bài *Khi gặp tai nạn xảy ra* | - HS khởi động  - Trả lời  - Quan sát + lắng nghe  - HS lắng nghe  - Các nhóm TL các câu hỏi sgk/21.  - Đại diện nhóm báo cáo.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Đọc lại phần ghi nhớ  - Các nhóm quan sát các bức hình/21, thảo luận và nêu ý kiến về việc chấp hành của những người tham gia giao thông trong bức hình  - Đại diện nhóm phát biểu. Cả lớp nx.  - Nhóm khác bổ sung  - Quan sát MH + lắng nghe  - Các nhóm quan sát tranh ở bài 2/22, và thảo luận theo yêu cầu bài tập, giải thích lý do lựa chọn.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Đọc lại phần ghi nhớ  - 1HS đọc to tình huống ghi trên phiếu. - Các nhóm thảo luận: Đề nghị của Thư là đúng hay sai? Tại sao?  - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét.  - Cả lớp nhận xét nhóm học tốt, HS học tốt.  - Đọc lại phần ghi nhớ  - HS nhắc lại các ghi nhớ trong bài học. |

**Tiết 2** **TOÁN**

**Luyện tập chung**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Củng cố kĩ năng thực hiện các phép tính với số thập phân.

- Rèn luyện kĩ năng giải toán có liên quan đến tỉ số phần trăm.

**2. Năng lực**: HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng phụ, TV, MT

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - Mở video  - GTB  **2. Luyện tập** (32 - 34’)  a. Bài 1/79  - GV chữa bài, nhận xét.  - Em đã vận dụng kiến thức nào để làm phần a(b ,c)?  => Muốn chia 1 số thập phân cho 1 số thập phân, chia 1 số thập phân cho 1 số tự nhiên, chia 1 số tự nhiên cho 1 số thập phân ta làm thế nào?  b. Bài 2/79  - GV chấm chữa, nhận xét.  - Nhận xét ?  - Nêu thứ tự thực hiện phép tính trong 1 biểu thức có ngoặc đơn?  - Tiếp theo em thực hiện phép tính nào vì sao?  - GV soi bài, gọi HS chia sẻ.  - Khi chia một số thập phân cho một số tự nhiên b­ước viết dấu phẩy ở thương được thực hiện khi nào?  c. Bài 3/79  - Bài toán hỏi gì?  - GV chấm, chữa bài.  - Tìm xem cuối năm 2000 đến cuối năm 2001 số dân tăng thêm bao nhiêu phần trăm là tìm gì? Làm thế nào?  - Ngoài ra em còn cách làm nào khác? (HS khá giỏi)  - Muốn tìm xem cuối năm 2002 số dân của ph­ường đó là bao nhiêu người tr­ước hết em phải tìm gì?  - Tìm số ng­ười tăng thêm là tìm gì, làm thế nào?  => Nêu cách tìm tỉ số phần trăm?  - Muốn tìm 1 số % của 1 số ta làm thế nào?  d. Bài 4 (Dành cho HS tiếp thu nhanh)  \* Dự kiến sai lầm:  - Bài 3: Nhiều HS không xác định đúng dạng toán về tỉ số % nên làm sai.  **3. Củng cố, dặn dò** (2- 3')  - Nêu cách giải 3 dạng toán về tỉ số %?  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm bảng con phần a, nêu cách làm  - HS nêu.  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm vở nháp, chữa bảng phụ.  - Biểu thức có ngoặc đơn  - Làm phép tính trong ngoặc đơn trước  - Phép chia, nhân vì biểu thức có phép tính chia, phép tính cộng, phép nhân.  - HS chia sẻ cách làm với bạn.  \* Dự kiến câu hỏi chia sẻ của HS:  + Bạn vận dụng kiến thức nào để thực hiện phép nhân, chia?  - Nêu cách chia một số thập phân cho một số thập phân?  - Nêu b­ước viết dấu phẩy ở tích trong phép nhân một số thập phân với một số tự nhiên?  - Bạn vận dụng những kiến thức nào để tính giá trị của biểu thức ở phần b?  - HS nêu  - HS đọc bài, xác định yêu cầu  - HS nêu.  - HS làm vở, chữa bảng phụ.  - Tìm tỉ số phần trăm của 2 số, lấy 15875 : 15625 = 1,016 = 101,6%.  101,6% - 100% = 1,6%  - HS nêu  - Tìm số ng­ười tăng trong năm 2002  - Tìm 1 số phần trăm của 1 số.  - HS nêu.  - HS nêu. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 3** **TẬP ĐỌC**

**Ngu Công xã Trịnh Tường**

***Theo Trường Giang- Ngọc Minh***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết đọc trôi chảy, diễn cảm bài văn với giọng kể hào hùng thể hiện sự khâm phục trí sáng tạo, tinh thần quyết tâm chống đói nghèo lạc hậu của ông Phàn Phù Lìn.

- Hiểu ý nghĩa của bài văn: Ca ngợi ông Lìn với tinh thần dám nghĩ dám làm đã thay đổi tập quán canh tác của cả một vùng làm giàu cho mình, làm thay đổi cuộc sống cả thôn.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin, trình bày ý kiến rõ ràng, ngắn gọn trước lớp, biết phối hợp với bạn khi làm việc nhóm, biết lắng nghe bạn đọc và trả lời để cùng chia sẻ, nhận xét, đánh giá bạn.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

\* GDMT: Học tập tấm gương của ông Lìn về bảo vệ dòng nước thiên nhiên, trồng cây gây rừng để giữ môi trường sống tốt đẹp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Tranh minh hoạ /SGK. TV, MT, MS.

**2. Học sinh**: SGK

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - Mở video  - Đọc bài: "Thầy cúng đi bệnh viện"  - Nêu nội dung bài?  - Nhận xét  - Giới thiệu bài  **2. Dạy bài mới**:  a. Luyện đọc đúng: (10 - 12').  - Gọi 1 HS đọc bài, nhắc lớp đọc thầm theo, tìm hiểu bài chia làm mấy đoạn.  - Đọc nối đoạn?  + Rèn đọc đoạn:  \* Để đọc tốt được bài này đầu tiên ta phải đọc đúng. Hãy thảo luận trong nhóm trong thời gian 4’ tìm cho cô các từ khó, câu dài, các từ cần giải nghĩa.  - Yêu cầu đại diện nhóm chia sẻ.  - GV giúp đỡ HS  \* Đoạn 1:  - GV hướng dẫn cách ngắt hơi câu 5.  - Nêu cách đọc đúng đoạn 1?  \* Đoạn 2:  - Nêu cách đọc đúng đoạn 2?  \* Đoạn 3:  - Nêu cách đọc đúng đoạn 3?  - Nêu cách đọc đúng đoạn toàn bài?  - Gọi HS đọc.  - GV đọc mẫu lần 1.  b. Tìm hiểu bài: (10 - 12').  - Khách đến xã Trịnh T­ường ngỡ ngàng vì điều gì?  - Ông Lìn đã làm thế nào để đ­ưa n­ước về thôn?  - Đư­a đ­ược n­ước về thôn, ông Lìn đã làm gì?  => GV chốt ý đoạn 1.  - Nhờ có m­ương n­ước, tập quán canh tác và cuộc sống ở thôn Phìn Ngan đã thay đổi như­ thế nào?  - Ông Lìn đã nghĩ ra cách gì để giữ rừng bảo vệ nguồn n­ước?  - Cây thảo quả đã đem lại lợi ích gì cho bà con?  - Cuộc sống của ng­ười dân ở thôn Phìn Ngan thay đổi như­ thế nào?  - Vì sao ông Lìn đ­ược gọi là Ngu Công xã Trịnh Tư­ờng? (HS khá giỏi)  - Em có suy nghĩ gì về việc làm của ông Phàn Phù Lìn?  => Bằng tinh thần vư­ợt khó, dám nghĩ dám làm ông Lìn đã giúp gia đình thôn bản thoát khỏi đói nghèo.  - Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?  - GV tổng kết, nêu nội dung chính.  c. Luyện đọc diễn cảm: (10 - 12')  - Yêu cầu đại diện nhóm nêu ý kiến.  \* Đoạn 1: Nêu cách đọc DC đoạn 1?  \* Đoạn 2: Nêu cách đọc DC đoạn 2?  \* Đoạn 3: Nêu cách đọc DC đoạn 3?  -Nêu cách đọc diễn cảm toàn bài?  - GV đọc mẫu lần 2  - Gọi HS đọc bài.  - GV nhận xét, đánh giá, tư vấn cho HS  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2- 4’)  - Qua câu chuyện này giúp em hiểu đ­ược điều gì?  - Liên hệ, giáo dục ý thức bảo vệ môi tr­ường.  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động  - HS đọc  - HS nêu.  - 1 HS đọc toàn bài, lớp đọc thầm theo chia đoạn.( 3 đoạn )  Đoạn 1: Khách đến ...trồng lúa.  Đoạn 2: Con nư­ớc nhỏ ... tr­ước nữa.  Đoạn 3: Còn lại.  - 3 HS đọc nối đoạn toàn bài.  - HS thảo luận nhóm đôi(2’): tìm các từ khó phát âm, câu dài, nghĩa của các từ khó trong bài.  - Các nhóm nêu kết quả thảo luận.  \* Dự kiến phương án trả lời  + Câu 5 dài bạn ngắt hơi chưa đúng  - 1 HS đọc câu 5.  + Chưa hiểu nghĩa từ ngữ: Ngu Công  - HS đọc thầm SGK, nêu nghĩa từ  - Đọc l­ưu loát, phát âm đúng.  - HS luyện đọc đoạn 1.  + Bạn đọc chưa đúng từ: Làm n­ương  - HS đọc thể hiện  + Chưa hiểu nghĩa từ ngữ: Cao sản.  - HS đọc thầm SGK, nêu nghĩa  - Đọc trôi chảy toàn đoạn, ngắt nghỉ đúng dấu câu.  - HS luyện đọc đoạn 2.  - Đọc l­ưu loát toàn đoạn.  - HS luyện đọc đoạn 3.  \* HS đọc thầm theo nhóm đôi (1’)  - Toàn bài đọc trôi chảy l­ưu loát, phát âm đúng các từ khó, ..  - HS đọc (1 - 2 em).  - HS đọc thầm đoạn 1  - HS nêu.  - Lần mò cả tháng tìm nguồn n­ước cùng vợ con đào suốt một năm trời đư­ợc gần 4 km m­ương dẫn n­ước từ rừng già về thôn.  - Trồng 1 ha lúa n­ước, vận động bà con mở rộng con m­ương vỡ thêm đất hoang trồng lúa.  - HS đọc thầm, đọc to đoạn 2.  - Đồng bào không làm nư­ơng nên không còn nạn phá rừng. Đời sống khấm khá hơn.  - HS đọc thầm đoạn 3.  - Ông h­ướng dẫn bà con trồng cây thảo quả.  - HS nêu.  - Từ thôn nghèo nhất v­ươn lên thành thôn có mức sống khá nhất của xã Trịnh T­ường.  - HS nêu  - HS TLN 4 trong thời gian 1 phút.  - Các nhóm nêu kết quả TL, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Ông là ng­ười có ý chí, có lòng kiên trì, có tinh thần v­ượt khó..  - Muốn thắng đ­ược đói nghèo lạc hậu phải có quyết tâm cao và tinh thần v­ượt khó.  - HS nêu lại.  - HS thảo luận nhóm đôi tìm cách đọc diễn cảm từng đoạn (2’)  \* Dự kiến tình huống trả lời của HS:  - Đọc giọng khâm phục nhấn giọng vào những từ ngữ chỉ sự quyết tâm của ông Lìn.  - HS luyện đọc đoạn 1 theo dãy.  - Đọc giọng hào hứng thể hiện sự khâm phục trí sáng tạo của ông Lìn.  - HS luyện đọc đoạn 2 theo dãy.  - Đọc giọng kể hào hứng, nhấn giọng ở những từ: “ Khá nhất, vinh dự, khen ngợi”  - HS luyện đọc đoạn 3 theo dãy.  - Toàn bài đọc giọng kể, thể hiện sự khâm phục trí sáng tạo, tinh thần v­ượt khó của ông Lìn  - Đọc theo đoạn (3- 4 em), đọc đoạn mình thích (2- 3 em) đọc cả bài(1- 2 em).  - HS nêu  - HS thực hiện. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………..

**Tiết 4** **KHOA HỌC**

**Ôn tập học kì I**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Giúp HS củng cố và hệ thống các kiến thức về:

- Đặc điểm giới tính.

- Một số biện pháp phòng bệnh có liên quan đến việc giữ vệ sinh cá nhân.

- Tính chất và công dụng của một số vật liệu đã học.

**2. Năng lực:** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**3. Phẩm chất:** Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**GV**: Thông tin và hình trang 68 sách giáo khoa, TV, MT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Khởi động - kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Hãy nêu đặc điểm và công dụng của một số loại tơ sợi tự nhiên?  **2. Ôn tập**  **H1:** Làm việc với phiếu học tập (10-12’)  \* Mục tiêu: Giúp HS củng cố và hệ thống các kiến thức về: đặc điểm giới tính; một số biện pháp phòng bệnh có liên quan đến việc giữ gìn vệ sinh cá nhân.  \* Cách tiến hành:  - Yêu cầu làm các bài tập trang 68 sgk  \* Kết luận: Chốt lời giải đúng.  Nhấn mạnh cách giữ gìn vệ sinh cá nhân, môi trường, ăn chín uống sôi để phòng các bệnh là chính.  **HĐ2:** Thực hành (10-12’)  \* Mục tiêu: Giúp HS củng cố và hệ thống các kiến thức đã học về tính chất và công dụng của một số  vật liệu đã học.  \* Cách tiến hành:  - Chia nhóm, y/c mỗi nhóm nêu tính chất và công dụng của 1 trong 3 loại vật liệu đã học.  \* Kết luận:  - Giúp H hoàn thiện bảng tổng kết trang 69.  - Chốt đáp án đúng  (bài 2: 2.1- c ; 2.2 - a; 2.3 - c; 2.4 - a)  **HĐ3:** Trò chơi “Đoán chữ” (6- 8’)  \* Mục tiêu: Giúp HS củng cố lại một số KT trong chủ đề: Con ngư­ời và sức khoẻ.  \* Cách tiến hành:  - Hd cách chơi trò chơi: “Đoán chữ” như sgk/71.  \* Kết luận: nx, đánh giá và công bố đội thắng cuộc.  Nhắc nhở học sinh ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân ở tuổi dậy thì…  **3. Củng cố dặn dò:** (1- 2’)  - Nx tiết học. Tiếp tục ôn tập chuẩn bị kiểm tra. | - HS khởi động  - 2-3 em trả lời, nx  - Làm theo y/c  - Một số HS lên chữa bài  - Nhận xét, bổ sung  - Thảo luận nhóm 4, hoàn thành bảng trong vở BT  - T/bày, nx, bổ sung  - Nghe phổ biến cách chơi  - Đư­a ra đáp án đúng |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 5** **ĐẠO ĐỨC**

**Hợp tác với những người xung quanh (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Trong cuộc sống và công việc, chúng ta cần phải hợp tác với nhau. Việc hợp tác sẽ giúp công việc diễn ra thuận lợi, đạt kết quả tốt, mọi người phát huy được khả năng của mình. Nếu không hợp tác, công việc có thể gặp nhiều khó khăn, không đạt kết quả tốt.

- Hợp tác với người xung quanh là biết chia sẻ công việc, biết phân công chịu trách nhiệm về công việc và phối hợp để thực hiện công việc.

**2. Năng lực**

- Chia sẻ, phối hợp, hợp tác với những người xung quanh trong công việc.

- Nhắc nhở, động viên các bạn cùng hợp tác để công việc đạt kết quả tốt.

**3. Phẩm chất**

- Sẵn sàng hợp tác chia sẻ công việc với người khác.

- Chan hoà, vui vẻ, đoàn kết phối hợp với những người xung quanh.

- Đồng tình, ủng hộ những biểu hiện hợp tác, không đồng tình, nhắc nhở các bạn không hợp tác trong công việc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng nhóm, bút dạ.TV,MT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Khởi động, kết nối** (3-5’)  - Mở video  - GTB  **2. Hình thành kiến thức**  **HĐ1:**Đánh giá việc làm  - Treo bảng phụ có ghi 5 việc làm cần đánh giá (theo các tình huống ở bài 3/26).  - Yêu cầu thảo luận và cho biết việc làm nào của các bạn có sự hợp tác với nhau.  \* KL: tình huống a,e thể hiện sự hợp tác với nhau trong công việc; tình huống b,c,d thể hiện sự chưa hợp tác.  **HĐ2:**Trình bày kết quả thực hành  - Yêu cầu học sinh đưa ra kết quả bài thực hành được giao tiết trước (kết quả làm bài tập số 5).  - Ghi ý kiến H lên bảng, nhận xét một số công việc và nhận xét xem học sinh có thực sự hợp tác tốt chưa.  **HĐ3:** Thảo luận xử lý tình huống  - Yêu cầu xử lý tình huống trong bài tập 4 trang 27 SGK  - Nx, tuyên dương những nhóm có cách xử lí đúng, phù hợp.  **HĐ4:** Thực hành kĩ năng làm việc hợp tác  Yêu cầu trả lời:  - Trong khi làm việc hợp tác nhóm chúng ta nên nói với nhau như thế nào?  - Nếu khi hợp tác, em không đồng ý với các ý kiến của bạn, em nên nói như thế nào với bạn?  - Trước khi trình bày ý kiến, em nên nói gì?  - Khi bạn trình bày ý kiến, em sẽ làm gì?  Vậy thế nào là làm việc hợp tác với nhau?  \* Giúp HS hoàn thiện câu trả lời.  **3. Củng cố, dặn dò** (2-3’)  - Nhắc nhở HS thực hành hợp tác với các bạn và mọi người xung quanh, chú ý rèn luyện các kĩ năng làm việc hợp tác với các bạn trong nhóm. | - Hs khởi động  - Quan sát  - Trao đổi cặp đôi  - Đại diện t/bày, nx  - Làm theo y/c  - Lần lượt t/bày, nx  - Trao đổi cặp đôi  - Đại diện t/bày, nx  HS nêu ý kiến  - Trả lời  - Lắng nghe |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 6** **TOÁN (BS)**

**Luyện toán**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Rèn luyện kĩ năng thực hiện phép chia.

- Ôn luyện giải toán tỉ số phần trăm.

**2. Năng lực:** HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT, MS. Phấn màu.

**2. Học sinh:** BC, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Có mấy dạng toán về tỉ số phần trăm? Nêu cách tìm 1 số phần trăm của 1 số?  - Giới thiệu bài:  **2. Luyện tập** (32 - 34’)  \* Bài 1**.** Đặt tính rồi tính:  a) 108,36 : 21  b) 80,8 : 2,5  c) 109,98 : 84,6  d) 75 : 125  - GV chữa bài, nhận xét  - GV gọi HS chia sẻ. Soi bài.  => Phép chia …  \* Bài 2: Lớp 5A có 40 bạn. Cô đã cử 20% số bạn trang trí lớp, 50% số bạn quét sân, số bạn còn lại đi tưới cây. Hỏi mỗi nhóm có bao nhiêu bạn?  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  - GV chấm, chữa bài.  - GV soi bài, HS chia sẻ.  + Bài toán thuộc loại toán nào?  - GV chốt  \* Bài 3: Hai người làm được 1200 sản phẩm, trong đó người thứ nhất làm được 546 sản phẩm. Hỏi người thứ hai làm được bao nhiêu phần trăm sản phẩm?  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  - GV chấm, chữa bài.  - Để làm đ­ược bài này em phải thực hiện mấy b­ước giải? B­ước giải thứ nhất (thứ hai) em tìm gì?  - Em đã vận dụng kiến thức nào để thực hiện giải bài này?  - Ngoài ra còn cách làm nào khác?  *\***Dự kiến sai lầm:* HS sẽ lúng túng khi giait toán tỉ số phần trăm.  **3. Củng cố, dặn dò** (2 - 3’)  - Nêu cách viết hỗn số ra số thập phân?  - Nhận xét giờ học  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau: | - HS khởi động  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm bảng con, nêu cách đặt tính và tính.  - HS chia sẻ  - HS đọc bài  - Lớp 5A có 40 bạn. Cô đã cử 20% số bạn trang trí lớp, 50% số bạn quét sân, số bạn còn lại đi tưới cây - Hỏi mỗi nhóm có bao nhiêu bạn?  - HS làm vở nháp.  - HS đổi vở soát bài cho nhau.  - HS chia sẻ  - HS nêu.  - HS đọc bài.  - HS làm bài, chữa miệng.  - HS nêu.  - HS nêu.  - HS nêu  - HS tiếp thu nhanh  - HS nêu. |

**Tiết 7** **THỂ DỤC**

**Trò chơi: Chạy tiếp sức theo vòng tròn**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kí năng:** Giúp học sinh.

- Ôn đi đều vòng trái vòng phải. Yêu cầu biết thực hiện động tác ở mức độ tương đối chính xác.

- Học trò chơi"Chạy tiếp sức theo vòng tròn". Yêu cầu biết cách chơi và bước đầu biết tham gia chơi theo đúng quy định.

**2. Năng lực**: Rèn luyện năng lực hoạt động độc lập, hợp tác trong nhóm, mạnh dạn, tự tin trước tập thể.

**3. Phẩm chất:** HS có ý thức tập luyện TDTT để rèn luyện sức khỏe.

**II. ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG TIỆN**

- Địa điểm: Trên sân cỏ

- Phương tiện: Chuẩn bị 2- 4 vòng tròn bán kính - 5m

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung và phương pháp | Định lượng | Đội hình đội ngũ |
| **1. Phần mở đầu**  - GV nhận lớp, phổ biến nhiệm vụ, yêu cầu bài học.  - Cho HS khởi động  - Chạy nhẹ nhàng 1 hàng dọc trên đội hình tự nhiên.  - Giậm chân tại chỗ đếm to theo nhịp 1-2  - HS tập các động tác tay, chân, vặn mình, toàn thân và nhảy.  - Kiểm tra bài cũ  **2. Phần cơ bản**  \* Học TC "Chạy tiếp sức theo vòng tròn"  - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi và nội quy chơi.  - Cho HS chơi thử để hiểu cách chơi và nhớ nhiệm vụ của mình.  - Cho HS chơi chính thức.  + GV làm trọng tài dùng hiệu lệnh để phát lệnh di chuyển, nhắc các em đảm bảo an toàn trong luyện tập và khi chơi.  **3. Phần kết thúc**  - Cho HS HS thả lỏng cơ thể.  - GV cùng HS hệ thống bài  - GV nhận xét,đánh giá kết quả bài học  - Dặn học sinh về nhà tập luyện các động tác đội hình đội ngũ. | 6 - 10'      18-22'  4 - 6' | 🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹GV      🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹    🚹GV |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Thứ Ba ngày 26 tháng 12 năm 2023**

**Tiết 2** **TOÁN**

**Luyện tập chung**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Rèn luyện kĩ năng thực hiện phép tính.

- Ôn luyện chuyển đổi đơn vị đo diện tích.

**2. Năng lực:** HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT, MS.

**2. Học sinh:** BC, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Có mấy dạng toán về tỉ số phần trăm? Nêu cách tìm 1 số phần trăm của 1 số?  - Giới thiệu bài:  **2. Luyện tập** (32- 34’)  a. Bài 1/80  - GV chữa bài, nhận xét  + GV chữa theo nhiều cách.  - Nêu cách viết hỗn số ra phân số, cách viết phân số ra số thập phân?  - Hỗn số 4 đổi đ­ược hỗn số 4 em làm ntn?  - Khi cộng 4 với 0,5 em cần chú ý gì?  => Có nhiều cách viết hỗn số ra số thập phân, khi làm bài nên vận dụng cách làm ngắn ngọn dễ hiểu.  c. Bài 2/80  - GV chấm, chữa bài.  - GV soi bài, HS chia sẻ.  d. Bài 3/80  - Bài toán hỏi gì?  - GV chấm, chữa bài. Soi bài.  - Để làm đ­ược bài này em phải thực hiện mấy b­ước giải? B­ước giải thứ nhất (thứ hai) em tìm gì?  - Em đã vận dụng kiến thức nào để thực hiện 2 bư­ớc giải này?  - Tại sao khi thực hiện bư­ớc tính thứ 2 em lại lấy 100% - 75%?  - Khi thực hiện các phép tính cộng, tính trừ với số phần trăm kí hiệu phần trăm đ­ược viết thế nào?  - Nêu câu trả lời cho b­ước giải thứ nhất (thứ hai)? Ngoài ra còn câu trả lời nào khác?  => Chốt câu trả lời ngắn gọn dễ hiểu  b. Bài 4/80  - GV chấm, chữa bài. Soi bài  - Vì sao em chọn đáp án D là đúng?  - Ngoài ra còn cách làm nào khác? (HS khá giỏi)  *\***Dự kiến sai lầm:* HS sẽ lúng túng khi viết hỗn số thành số thập phân.  **3. Củng cố, dặn dò** (2 - 3’)  - Em được ôn tập kiến thức gì qua bài học hôm nay?  - Nêu cách viết hỗn số ra số thập phân?  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm bảng con, nêu cách làm phép tính thứ nhất  - HS nêu  - HS đọc bài, xác định yêu cầu.  - HS làm vở nháp.  - HS đổi vở soát bài cho nhau.  \* Dự kiến câu hỏi chia sẻ của HS:  - Khi tìm x mà vế phải là 1 phép tính bạn phải làm gì?  - Tìm thành phần ch­ưa biết trong phép tính này là tìm gì?  - Muốn tìm thừa số ch­ưa biết bạn làm thế nào?  - Nhận xét phép tính tìm thừa số? Nêu cách làm?  - Bạn đã vận dụng những kiến thức nào để tìm thành phần chư­a biết của phép tính ở phần b?  - Nêu cách chia một số thập phân cho một số thập phân?  - Nêu cách tìm số chia?  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS nêu.  - HS làm vở, chữa miệng.  - HS nêu.  - HS nêu  - HS nêu.  - HS nêu.  - HS nêu  - HS đọc bài, xác định yêu cầu.  - HS làm nháp, chữa miệng  + HS nêu cách làm  - 805m2 = 0,0805ha (805m2 = 805/10000ha = 0,0805ha)  - 805m2 = 0,0805ha (805 x0,0001 hoặc 805 x 1/10000 vì ...)  - HS nêu. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 3** **CHÍNH TẢ (NGHE - VIẾT)**

**Ng­ười mẹ của 51 đứa con**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nghe-viết chính xác trình bày đẹp bài chính tả “Ng­ười mẹ của 51 đứa con”

- Làm đúng bài tập: Ôn mô hình cấu tạo vần. Hiểu và tìm đ­ược những tiếng bắt vần với nhau trong bài thơ.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS tính cẩn thận khi đặt bút, có ý thức giữ vở sạch, viết chữ đẹp.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục HS có ý thức yêu quê hương, đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**GV:** Bảng phụ, TV, MT

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - Mở video  - GV đọc cho HS viết bảng con: nồng hăng, che chở, sẫm biếc  - Nhận xét bài viết tr­ước.  - GTB  **2. Hình thành kiến thức**:  ***a. H­ướng dẫn chính tả:*** (10 -12’)  - GV đọc mẫu toàn bài.  - Giải nghĩa từ: B­ươn chải  - Nội dung bài viết nói về ai, về điều gì?  - Trong bài có từ nào khó viết?  - GV ghi bảng từ khó  - Cho HS phân tích từ khó, phân tích những tiếng có âm đầu là tổ hợp chữ cái.  - Các tiếng còn lại tiến hành t­ương tự  - GV l­ưu ý chỗ có vấn đề chính tả.  - Cho HS đọc lại các từ, tiếng vừa phân tích  - Đọc cho HS viết từ khó (đọc tiếng trong từ)  - Bài viết ở thể loại nào? Nêu cách trình bày bài.  ***b. Viết chính tả:*** (14-16’)  - Nhắc nhở HS trư­ớc khi viết bài: Bài có một số danh từ riêng, một vài số liệu khi viết cần l­ưu ý viết đúng.  - Cho HS ngồi viết đúng t­ư thế  - Đọc cho HS viết bài.  ***c. Hướng dẫn chấm, chữa***:(3- 5’)  - Đọc cho HS soát bài  - GV chấm bài, nhận xét, tư vấn HS  ***d. Hướng dẫn làm bài tập***: (7- 9')  \* Bài 2/166  - Bài tập có mấy yêu cầu là những yêu cầu gì?  - GV giải thích lại yêu cầu.  - Cho HS đọc mẫu/ SGK  - Cho HS làm bài  - GV chấm, chữa bài.  - Vần gồm những bộ phận nào?  - Nhận xét từng bộ phận vần trong mỗi tiếng ?  - Bộ phận nào quan trọng nhất và không thể thiếu trong bộ phận vần của tiếng?  + Phần b  - Đọc lại câu thơ trên?  - Câu thơ này đ­ược viết ở thể thơ nào?  - Những tiếng “xôi - đôi” nằm ở vị trí thứ mấy của mỗi dòng thơ?  - Nêu nguyên tắc bắt vần của bài thơ lục bát?  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (1- 2’)  - Nêu cấu tạo của vần? Bộ phận nào không thể thiếu đ­ược trong mỗi tiếng ?  - Về nhà chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động  - HS viết bảng con.  - HS theo dõi  - HS đọc / SGK  - HS nêu.  - HS TLN đôi (2’): tìm từ khó viết.  \* Dự kiến HS tìm được: b­ươn chải, cưu mang, ch­ưa tròn, bận rộn  - HS phát âm và phân tích từ khó (những từ, tiếng gạch chân)  + b­ươn = b + ươn + thanh ngang  + chải = ch + ai + thanh hỏi  + HS phân tích các tiếng còn lại theo yêu cầu của GV.  - HS viết bảng con.  - HS nêu.  - HS nghe  - HS thực hiện  - HS viết bài vào vở.  - HS soát bài, soát lỗi, HS đổi vở soát lỗi cho nhau, chữa lỗi, báo lỗi  - HS đọc bài, xác định yêu cầu.  - HS nêu.  - HS đọc mẫu.  - HS làm bài vào vở bài tập, chữa bảng phụ.  - Âm đệm, âm chính, âm cuối  - Có vần có âm đệm (Âm cuối), có vần không có âm đệm (Âm cuối), tiếng nào cũng có âm chính.  - Âm chính.  - HS làm vở  - HS đọc.  - Thể thơ lục bát.  - Tiếng thứ 6 của dòng sáu (xôi)- tiếng thứ 6 của dòng 8 (đôi)  - HS nêu.  - HS nêu. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 4** **LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Ôn tập về từ và cấu tạo từ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Củng cố kiến thức về từ và cấu tạo từ (từ đơn, từ phức, các kiểu từ phức, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ nhiều nghĩa, từ đồng âm)

- Nhận biết từ đơn, từ phức, từ đồng nghĩa, từ nhiều nghĩa, từ đồng âm. Tìm được từ đồng nghĩa với từ đã cho.Bước đầu biết giải thích lí do lựa chọn từ trong văn bản.

**2. Năng lực:** HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến; tích cực hoạt động và hợp tác với bạn trong nhóm. Biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**GV**: Bảng phụ, vở bài tập, TV, MT, MS.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - Mở video  - Tìm từ đồng nghĩa, trái nghĩa với từ “đen”. Đặt câu với từ vừa tìm được.  - Thế nào là từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa ?  - Nhận xét - GTB  **2. Luyện tập** (32- 34’)  \* Bài 1/166  - Các em hãy phân loại từ theo kiểu từ đơn, từ láy, từ ghép.  - Yêu cầu HS TLN đôi bài tập 1.  => Nêu đặc điểm của từ đơn, từ phức?  - Tìm thêm ví dụ minh hoạ cho kiểu cấu tạo từ trong bảng phân loại.  \* Bài 2/167  - Bài yêu cầu gì?  - GV chấm, chữa bài.  - Các từ trong mỗi dòng thuộc kiểu từ nào?  => Thế nào là từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ nhiều nghĩa?  \* Bài 3/167  - Nêu các từ in đậm?  - TLN đôi yêu cầu của bài 3  - Chữa bài, nhận xét.  - Nêu những từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm đó?  - Vì sao nhà văn chọn từ in đậm mà không chọn từ đồng nghĩa với nó?  => Vậy khi dùng các từ đồng nghĩa các em cần lựa chọn từ chính xác, sát nghĩa nhất để sử dụng cho đúng.  \* Bài 4/167  - GV chấm, chữa bài.  - Yêu cầu HS giải nghĩa câu thành ngữ tục ngữ.  => Nêu tác dụng của từ trái nghĩa đặt cạnh nhau?  **3. Củng cố**, **dặn dò**:(2- 4’)  - Thế nào là từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ nhiều nghĩa?  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS làm miệng.  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS TLN đôi, làm lại vào vở bài tập  - Đại diện nhóm trình bày.  - Nhóm khác nhận xét bổ sung.  - HS nêu  - HS tìm thêm ví dụ.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS nêu.  - HS làm vở bài tập, chữa miệng  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS đọc đoạn văn.  - Tinh ranh, dâng, êm đềm.  - HS TLN đôi, làm lại vào vở bài tập  - HS đại diện trình bày.  + Tinh ranh: tinh nghịch, khôn ngoan, ma lanh, ranh ma, ranh mãnh...  + Dâng: hiến, cho, tặng, biếu...  + Êm đềm: êm dịu, dịu êm, êm ái...  - Từ in đậm dùng chính xác nhất, nó diễn đạt hết ý tứ miêu tả của tác giả.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm vở bài tập, HS chữa BP.  - HS giải nghĩa.  - HS nêu.  - HS nêu. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 5**   **LỊCH SỬ**

**Ôn tập cuối HKI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Hệ thống những sự kiện lịch sử tiêu biểu từ năm 1858 đến trước chiến dịch Điệnn Biên Phủ 1954.

**2. Năng lực:** Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Năng lực hiểu biết cơ bản về lịch sử, năng lực tìm tòi và khám phá lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn.

3**. Phẩm chất:** HS có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực trong các hoạt động. Giáo dục tình yêu thương quê hương đất nước

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**GV**: TV, MT, Phiếu BT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - Mở video  - Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ II của Đảng đề ra nhiệm vụ gì?  - Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu được tổ chức vào thời gian nào?  **2. Hình thành kiến thức**: (32- 34’)  ***\*HĐ 1:*** Hệ thống lại các sự kiện lịch sử đã học.  - GV yêu cầu HS TLN 4: Hệ thống lại những sự kiện và các nhân vật lịch sử tiêu biểu đã học.  - GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày  - GV trình chiếu kết quả:  1. Ngày 1/9/1858 thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta.  2. Phong trào chống Pháp của “Bình Tây Đại nguyên soái” Trương Định.  3. Nguyễn Trường Tộ mong muốn canh tân đất nước.  4. Năm 1885 cuộc phản công ở kinh thành Huế dưới sự lãnh đạo của Tôn Thất Thuyết thất bại. Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa vua Hàm Nghi thảo chiếu Cần Vương.  5. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa.  6. Phong trào Đông Du của Phan Bội Châu.  7. Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành từ bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.  8. Ngày 3/2/1930 tại Hồng Công (Trung Quốc) Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.  9. 12/9/1930 phong trào Xô- viết Nghệ- Tĩnh nổ ra.  10. Ngày 19/8/1945 cách mạng tháng 8 thắng lợi.  11. Ngày 2 tháng 9 năm 1945 tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bảng tuyên ngôn độc lập tuyên bố khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.  12. CMT8 thành công thì thực dân Pháp quay lại cướp nước ta, nước ta trong tình thế “nghìn cân treo sợi tóc”.  13. Ngày 20/12/1946 chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi toàn quốc kháng chiến.  14. Thu- đông 1947, Việt Bắc “Mồ chông giặc Pháp”.  15. Chiến thắng biên giới Thu đông 1950.  16. Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc khai mạc ngày 1/5/1952.  ***\*HĐ2:*** Tìm hiểu nội dung các sự kiện.  - GV yêu cầu HS TLN đôi, mỗi nhóm 1 sự kiện  - GV yêu cầu HS trình bày nội dung các sự kiện  - GV nhận xét, bổ sung.  **3. Củng cố, dặn dò:** (2- 3’)  - Nhận xét tiết học | - HS khởi động  - HS trả lời  - HS TLN 4  - 16 sự kiện  - HS TLN đôi |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 6** **TIẾNG VIỆT (BS)**

**Luyện Tiếng Việt**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Xác định đ­ược bài văn tả ngư­ời, nội dung của từng đoạn, những chi tiết tả ngoại hình, hoạt động trong đoạn.

- Viết đư­ợc bài văn tả ng­ười thể hiện khả năng quan sát và diễn đạt.

**2. Năng lực**: HS mạnh dạn tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến; tích cực hoạt động và hợp tác với bạn trong nhóm; biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự GQVĐ nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: TV, M, MS. Tranh ảnh một số hoạt động của một số người.

**2. Học sinh**: VN

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Nêu cấu tạo của 1 bài văn tả ng­ười.  - Thân bài của bài văn tả ngư­ời cần tả những gì?  - Giới thiệu bài: Các em đã đ­ược học và biết cách viết đoạn văn tả ngoại hình, tả hoạt động hôm nay chúng ta luyện viết bài văn tả người.  **2. Luyện tập**: (32- 34')  - GV đưa đề bài lên MH: Em hãy tả một người thân mà em yêu quý nhất.  - Bài yêu cầu gì ?  - Cho HS giới thiệu người thân định tả  GV lưu ý: Cách miêu tả, dùng từ sinh động vẽ lên tr­ước mắt chúng ta hình ảnh người thân. Có vậy mà bài văn mới sống động, mới mẻ.  - Vậy khi tả hoạt động của một người ta cần tả những gì?  =>Muốn làm đ­ược việc đó các em cần quan sát kĩ, chọn đ­ược những nét riêng biệt tiêu biểu về nghề nghiệp, công việc, hoàn cảnh sống, lứa tuổi....để tả cho phù hợp.  - Cho HS quan sát một vài hình ảnh và yêu cầu HS nêu tên các hoạt động trong từng hình ảnh.  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2- 4')  - Nêu cấu tạo của bài văn tả ngư­ời?  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS nêu.  - Tả hình dáng, tính tình, hoạt động của ng­ười đó.  - HS đọc  - HS nêu  - HS giới thiệu  - HS nêu  - HS làm vở nháp  - HS đọc đoạn văn.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS nêu. |

**Tiết 7** **THỂ DỤC**

**Đi đều vòng phải, vòng trái.**

**Trò chơi: Chạy tiếp sức theo vòng tròn**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh.

- Ôn đi đều vòng trái vòng phải. Yêu cầu biết thực hiện động tác ở mức độ tương đối chính xác.

- Học trò chơi"Chạy tiếp sức theo vòng tròn". Yêu cầu biết cách chơi và bước đầu biết tham gia chơi theo đúng quy định.

**2. Năng lực**: Rèn luyện năng lực hoạt động độc lập, hợp tác trong nhóm, mạnh dạn, tự tin trước tập thể.

**3. Phẩm chất**: HS có ý thức tập luyện TDTT để rèn luyện sức khỏe.

**II. ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG TIỆN**

- Địa điểm: Trên sân cỏ

- Phương tiện: Chuẩn bị 2- 4 vòng tròn bán kính 4- 5m

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung và phương pháp | Định lượng | Đội hình đội ngũ |
| **1. Phần mở đầu**  - GV nhận lớp, phổ biến nhiệm vụ, yêu cầu bài học.  - Cho HS khởi động  - Chạy nhẹ nhàng 1 hàng dọc trên đội hình tự nhiên.  - Giậm chân tại chỗ đếm to theo nhịp 1-2  - HS tập các động tác tay, chân, vặn mình, toàn thân và nhảy.  - Kiểm tra bài cũ  **2. Phần cơ bản**  a. Ôn đi đều vòng phải vòng trái  - GV chia tổ cho HS luyện tập.  + Lần đầu GV hướng dẫn.  + Lần 2: Cán sự điều khiển  + Lần 3: Các tổ tự tập với hình thức thi đua  - GV bao quát chung, sửa sai cho HS. Tổ nào thực hiện tốt được biểu dương, tổ nào còn nhiều người thực hiện chưa đúng sẽ phải chạy 1 vòng quanh sân tập  b. Học TC "Chạy tiếp sức theo vòng tròn"  - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi và nội quy chơi.  - Cho HS chơi thử để hiểu cách chơi và nhớ nhiệm vụ của mình.  - Cho HS chơi chính thức.  + GV làm trọng tài dùng hiệu lệnh để phát lệnh di chuyển, nhắc các em đảm bảo an toàn trong luyện tập và khi chơi.  **3. Phần kết thúc**  - Cho HS HS thả lỏng cơ thể.  - GV cùng HS hệ thống bài  - GV nhận xét,đánh giá kết quả bài học  - Dặn học sinh về nhà tập luyện các động tác đội hình đội ngũ. | 6- 10'      18-22'  4 - 6' | 🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹GV        🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹 🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹    **🚹GV** |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Thứ Tư ngày 27 tháng 12 năm 2023**

**Tiết 1**  **TOÁN**

**Giới thiệu máy tính bỏ túi**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Làm quen với việc sử dụng máy tính bỏ túi để thực hiện các phép tính cộng trừ nhân chia và tính phần trăm.

- Vận dụng vào làm bài.

**2. Năng lực:** HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính bỏ túi, TV, MT, MS.

**2. Học sinh:** BC, nháp, 1 máy tính bỏ túi /1 em

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Tìm a biết 15% của a là 100.  - Chữa bài, nhận xét.  - Nêu cách tìm 1 số biết 1 số phần trăm của nó?  - Giới thiệu bài:  **2. Hình thành kiến thức** (14 - 15’)  a. Giới thiệu máy tính bỏ túi  - GV yêu cầu các nhóm quan sát máy tính trả lời các câu hỏi:  + Em thấy trên mặt máy tính có những gì?  + Trên các phím ghi gì?  - Yêu cầu HS quan sát máy tính GV giới thiệu chức năng của một số phím như SGK.  b. Thực hiện các phép tính trên máy tính.  - Để máy hoạt động ấn ON/C  - Tính 25,3 + 7,095 ta nhấn các phím  2 5 . 3 + 7 . 0 9 5 =  - Các phép tính nhân chia thực hiện tương tự.  + GV kiểm tra kết quả của HS  **3. Thực hành** (17 - 18’)  a. Bài 1/82  - GV quan sát chung, giúp đỡ HS.(lưu ý HS khi ấn phím phải nhìn màn hình xem đã hiển thị đúng số chưa)  b. Bài 2;3/82 ( có thể cho HS khá giỏi thực hiện)  - Theo em bạn đã tính giá trị của biểu thức nào? (HS khá giỏi)  *\* Dự kiến sai lầm:* Nhiều HS còn nhầm dấu phẩy của số thập phân là dấu phẩy trên máy tính.  **3. Củng cố, dặn dò** (2 - 3’)  - Em được học kiến thức gì qua bài học hôm nay?  - Dấu phẩy của số thập phân trên máy tính được ghi bằng dấu gì?  - Về nhà thực hành. | - HS khởi động  - HS làm bảng con.  - NX  - HS nêu.  - HS quan sát máy tính.  - Màn hình, các phím.  + HS nêu tên các phím.  - HS nêu lại chức năng của một số phím.  - HS thực hành.  - HS thực hiện lại trên máy và đọc kết quả.  - HS thực hành trên máy.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm bảng con sau đó dùng máy tính kiếm tra kết quả.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm nháp sau đó dùng máy tính kiếm tra kết quả.  - HS nêu.  - HS nêu.  - HS nêu.  - HS thực hiện. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 3** **KỂ CHUYỆN**

**Kể chuyện đã nghe, đã đọc**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

\* Rèn kĩ năng nói:

- Biết kể tự nhiên, bằng lời của mình một câu chuyện đã nghe, đã đọc có nội dung nói về những người biết sống đẹp, biết mang lại niềm vui, hạnh phúc cho người khác

- Trao đổi được với bạn về ý nghĩa câu chuyện.

\* Rèn kĩ năng nghe:

- Chăm chú nghe bạn kể, biết nhận xét lời bạn kể.

**2. Năng lực:** Mạnh dạn, tự tin khi trình bày ý kiến và kể chuyện; tích cực hoạt động nhóm và biết tham gia nhận xét, đánh giá bạn và đánh giá mình khi kể chuyện.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục HS tự hào về truyền thống Tôn sư trọng đạo của người Việt Nam.

\* GDMT: Học tập những tấm gương bảo vệ môi trường, chống lại những hành vi phá hoại môi trường để giữ gìn cuộc sống bình yên, đem lại niềm vui cho người khác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**GV**: Tài liệu, sách, truyện, TV MT, MS.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - Mở video  - Kể chuyện về một buổi sinh hoạt đầm ấm trong gia đình .  - Nhận xét - GTB  **2. Hình thành kiến thức**:  ***a.Tìm hiểu yêu cầu của đề bài***: (6- 8’)  - Đề bài: Hãy kể 1 câu chuyện em đã nghe hay đã đọc về những người biết sống đẹp biết mang lại niềm vui hạnh phúc cho người khác.  - Đề bài thuộc kiểu bài gì?  - Nội dung truyện kể là gì?  - GV gạch chân từ trọng tâm: Biết sống đẹp, mang lại niềm vui, hạnh phúc.  - Đọc thầm gợi ý 1, 2 trong SGK và tóm tắt ?  - Giới thiệu câu chuyện tìm được ngoài nhà trường ?  - Kể những câu chuyện thế nào cho hay, đọc thầm gợi ý 3 trong SGK ?  - Nêu cách kể chuyện ?  - GV hướng dẫn cách kể: Giới thiệu trực tiếp hay gián tiếp, kể chuyện có đầu diễn biến, kết thúc… giọng kể phù hợp …  ***b. HS kể chuyện:*** (22- 24’)  - Kể cho nhau nghe theo nhóm đôi và trao đổi ý nghĩa câu chuyện ?  + GV bao quát chung, đến các nhóm nghe và giúp đỡ HS.  - Gọi HS kể chuyện cá nhân.  + GV nhắc nhở HS: Kể chuyện đầy đủ, đúng nội dung chú ý giọng kể, điệu bộ. HS còn lại lắng nghe nghe bạn kể để nhận xét  - GV nhận xét.  ***c. Tìm hiểu nội dung ý nghĩa***: (3- 5’) (lồng vào mục b)  - Tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận nội dung ý nghĩa câu chuyện bằng cách đặt câu hỏi  - Bình chọn bạn kể hay nhất  **3. Củng cố**, **dặn dò**:(2- 3’)  - Nhận xét giờ học, về nhà kể chuyện cho người thân nghe.  - Chuẩn bị bài sau: Ôn tập học kì 1. | - HS khởi động  - HS kể  - HS đọc lại đề bài.  - Kể câu chuyện đã nghe , đã đọc  - Kể về những người biết sống đẹp, biết mang lại niềm vui, hạnh phúc cho người khác  - HS đọc thầm và tóm tắt.  - HS giới thiệu tên và đưa truyện  - HS đọc thầm gợi ý 3.  - HS nêu cách kể chuyện  - HS kể cho nhau nghe theo nhóm 2, chú ý ngữ điệu, điệu bộ, kết hợp nêu ý nghĩa câu chuyện  - HS kể chuyện.  - HS khác nhận xét  - HS kể chuyện đặt câu hỏi cho HS cả lớp (ngược lại)  - Cả lớp bình chọn |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 4** **TẬP ĐỌC**

**Ca dao về lao động sản xuất**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết đọc cả bài ca dao lưu loát với giọng tâm tình nhẹ nhàng.

- Hiểu ý nghĩa các bài ca dao: Lao động vất vả của những người nông dân trên đồng ruộng mang lại cuộc sống ấm no hạnh phúc cho mọi ngưòi.

- Học thuộc lòng bài ca dao.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin, trình bày ý kiến rõ ràng, ngắn gọn trước lớp, biết phối hợp với bạn khi làm việc nhóm, biết lắng nghe bạn đọc và trả lời để cùng chia sẻ, nhận xét, đánh giá bạn.

**3. Phẩm chất**: Giáo dục HS có ý thức yêu LĐ, quý trọng người lao động.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**GV**: Tranh minh hoạ/ SGK, TV, MT.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - Mở video  - Đọc bài “Ngu Công xã Trịnh Tường”  - Nêu nội dung chính của bài?  - Nhận xét - GTB  **2. Hình thành kiến thức**:  ***a. Luyện đọc đúng***:(10- 12’)  - Đọc nối đoạn  + Rèn đọc đoạn:  \* Thảo luận nhóm để tìm cách đọc đúng và tìm hiểu nghĩa của các từ khó trong bài  - Yêu cầu đại diện nhóm chia sẻ.  - GV giúp đỡ HS  \* Đoạn 1:  - Nêu cách đọc đúng đoạn 1?  \* Đoạn 2:  - Nêu cách đọc đúng đoạn 2?  \* Đoạn 3:  - Nêu cách đọc đúng đoạn 3?  - Nêu cách đọc đúng đoạn toàn bài?  - Gọi HS đọc bài.  - GV đọc mẫu toàn bài lần 1.  ***b. Tìm hiểu bài:*** (10- 12’)  - Tìm những hình ảnh nói lên nỗi vất vả lo lắng của ng­ười nông dân trong sản xuất?  - Những câu thơ nào thể hiện tinh thần lạc quan của ng­ười nông dân?  - Tìm những câu ứng với mỗi ND:  + Khuyên ng­ười nông dân chăm chỉ cấy cày?  + Thể hiện quyết tâm trong lao động sản xuất?  + Nhắc người ta nhớ ơn ngư­ời làm ra hạt gạo.  => Ba bài ca dao trên nói lên nỗi vất vả của ng­ười nông dân để làm ra hạt thóc hạt gạo.  ***c. Luyện đọc diễn cảm:*** (10 - 12’)  - Yêu cầu đại diện nhóm nêu ý kiến.  \* Đoạn 1: Nêu cách đọc DC đoạn 1?  \* Đoạn 2: Nêu cách đọc DC đoạn 2?  \* Đoạn 3: Nêu cách đọc DC đoạn 3?  -Nêu cách đọc diễn cảm toàn bài?  - GV đọc mẫu lần 2.  - Gọi HS đọc bài.  - GV nx, đánh giá, tư vấn cho HS.  **3. Củng cố**, **dặn dò**:(2- 4’)  - Bài ca dao trên nói lên điều gì?  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS đọc bài.  - HS nêu.  - 1 HS đọc toàn bài, lớp nhẩm theo cho thuộc, tập chia đoạn (3 đoạn )  Đoạn 1: 4 câu đầu  Đoạn 2: 6 câu tiếp.  Đoạn 3: 6 câu còn lại.  - 3 HS đọc nối toàn bài.  - HS thảo luận nhóm đôi (2’): tìm các từ khó phát âm, câu dài, nghĩa của các từ khó trong bài.  - Đại diện nhóm chia sẻ tr­ước lớp.  \* Dự kiến ph­ương án trả lời  - Đọc ngắt nghỉ đúng dấu câu, phát âm đúng.  - HS luyện đọc đoạn 1 theo dãy.  + Đọc chư­a đúng: Công lênh  - 1 HS nêu cách đọc và đọc câu 3  - Toàn bài đọc ngắt nghỉ đúng dấu câu, đọc lư­u loát.  - HS luyện đọc đoạn 2 theo dãy.  - Đọc trôi chảy, ngắt nghỉđúng.  - HS luyện đọc đoạn 3 theo dãy.  \* HS đọc thầm theo nhóm đôi (1’)  - Toàn bài đọc l­ưu loát, phát âm đúng, ngắt nghỉ đúng dấu câu.  - HS đọc bài ( 1 - 2 em )  - HS đọc thầm toàn bài.  - Nỗi vất vả: Cày đồng đang buổi ban trưa, mồ hôi như­ mư­a ruộng cày, bư­ng bát cơm đầy dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.  + Sự lo lắng: Đi cấy nhiều bề...  - Công lênh chẳng quản bao lâu, ngày nay n­ước bạc ngày sau cơm vàng.  + Ai ơi.....  Bao nhiêu...  + Trông cho...  Trời yên...  + Ai ơi b­ưng bát ...  Dẻo thơm...  - HS thảo luận nhóm đôi tìm cách đọc diễn cảm từng đoạn (2’)  \* Dự kiến tình huống trả lời của HS:  - Đọc giọng nhẹ nhàng, nhấn giọng ở từ: Thánh thót, dẻo thơm, đắng cay.  - HS luyện đọc đoạn 1 theo dãy.  - Đọc giọng tâm tình, nhấn giọng ở những từ: Nư­ớc bạc, cơm vàng, tấc đất tấc vàng.  - HS luyện đọc đoạn 2 theo dãy.  - Đọc giọng nhẹ nhàng, tình cảm ..  - HS luyện đọc đoạn 3 theo dãy.  - Toàn bài đọc giọng nhẹ nhàng, nhấn giọng ở những từ ngữ nói lên nỗi vất vả, tinh thần lạc quan của người nông dân.  - HS đọc từng đoạn (3 em), HS đọc đoạn mình thích (1- 2 em ), HS đọc thuộc lòng cả bài (3 - 4 em ).  - HS nêu. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 5**   **KĨ THUẬT**

**Thức ăn nuôi gà**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nêu được tên và biết tác dụng cgủ yếu của 1 số thức ăn thường dùng để nuôi gà.

- Biết liên hệ thực tế để nêu tên và tác dụng chủ yếu của 1 số thức ăn được sử dụng nuôi gà ở gia đình hoặc địa phương (nếu có).

**2. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục HS có ý thức chăm sóc, bảo vệ vật nuôi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**GV**: TV, MT. Một số mẫu thức ăn nuôi gà.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động dạy học | Hoạt động dạy học |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Kể tên mộ số giống gà được nuôi nhiều ở nước ta?  **2. Hình thành kiến thức** (32- 34’)  **HĐ1:** Tìm hiểu tác dụng của thức ăn nuôi gà.  - Y/c:  + Động vật cần những yếu tố nào để tồn tại, sinh trưởng và phát triển ?  + Nêu tác dụng của thức ăn đối với cơ thể gà ?  + KL: Khi nuôi gà cần cung cấp đủ các loại thức ăn.  **HĐ2:** Tìm hiểu các loại thức ăn nuôi gà.  - Y/c:  + Kể tên các koại thức ăn nuôi gà ?  **HĐ3:** Tìm hiểu tác dụng và sử dụng từng loại thức ăn nuôi gà.  - Y/c:  + Thức ăn của gà được chia làm mấy loại ? Hãy kể tên các loại thức ăn ?  + Nêu tác dụng và sử dụng thức ăn nuôi gà?  **3. Củng cố, dặn dò:**(2- 3’)  - Nhận xét tiết học.  - Chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động  - HS nêu  - HS đọc nd mục 1 SGK, TLCH.  - Nước, không khí, ánh sáng và các chất dinh dưỡng.  - Cung cấp năng lượng để duy trì và phát triển cơ thể của gà.  - QS hình 1 và nhớ lại những thức ăn thường dùng cho gà ăn trong thực tế, TL.  - Thóc, ngô, gạo, tấm, khoai, sắn, rau xanh, cào cào, châu chấu, ốc, tép, vừng, ..  - Đọc mục 2 SGK.  + Chia làm 5 loại:  - Thức ăn cung cấp chất bột đường.  - Thức ăn cung cấp chất đạm.  - Thức ăn cung cấp chất khoáng.  - Thức ăn cung cấp vi- ta- min.  - Thức ăn hỗn hợp.  + HS thảo luận nhóm đôi trả lời. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 6** **TOÁN (BS)**

**Luyện toán**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Củng cố cho học sinh các kiến thức đã học về tỉ số phần trăm.

- Giúp học sinh thực hiện tốt các bài tập củng cố và mở rộng..

**2. Năng lực**: HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Phấn màu. TV, MT, MS.

**2. Học sinh:** BC, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Có mấy dạng toán về tỉ số phần trăm?  - Giới thiệu bài:  **2. Luyện tập** (32- 34’)  a. Bài 1: Tìm tỉ số phần trăm của hai số (*theo mẫu*)  Mẫu: a) 8 và 24  8 : 24 = 0,3333 ... = 33,33%  - GV giải thích mẫu  b) 15 và 27  c) 3,6 và 80  d) 1,6 và 6,4  \* Chú ý: Nếu phần thập phân của thương có nhiều chữ số thì chỉ lấy đến 4 chữ số.  **Bài 2.** Đội văn nghệ trường Võ Thị Sáu có 40 bạn, trong đó có 24 bạn nữ. Hỏi số bạn nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số bạn trong đội văn nghệ?  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - Yêu cầu HS làm nháp  - GV chấm, chữa bài. Nhận xét.  + Để biết số bạn nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số bạn trong đội văn nghệ em làm thế nào?  - Em đã vận dụng kiến thức nào để thực hiện bài này?  - Hãy trình bày lại bài làm.  - Ngoài câu trả lời như trên, em còn có câu trả lời nào khác.  => Chốt: câu trả lời ngắn gọn dễ hiểu và cách trình bày bài.  **Bài 3.** Một khu vườn có diện tích 4000m2, trong đó diện tích đất trồng cây cảnh là 500m2. Hỏi diện tích đất trồng cây cảnh chiếm bao nhiêu phần trăm diện tích khu vườn?  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - Yêu cầu HS làm nháp  - GV chấm, chữa bài. Nhận xét.  - GV soi bài, yêu cầu HS chia sẻ  + Để biết diện tích đất trồng cây cảnh chiếm bao nhiêu phần trăm diện tích khu vườn em làm thế nào?  - Em đã vận dụng kiến thức nào để thực hiện bài này?  - Hãy trình bày lại bài làm.  - GV chấm, chữa bài.  - Để làm đ­ược bài này em phải thực hiện như thế nào?  - Em đã vận dụng kiến thức nào để làm bài này?  => Chốt cách làm  *\***Dự kiến sai lầm:* HS sẽ chia sai.  **3. Củng cố, dặn dò** (2 - 3’)  - Em được ôn tập kiến thức gì qua bài học hôm nay?  - Nêu cách tìm tỉ số phần trăm của 2 số?  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động  - HS nêu  - HS đọc bài, xác định yêu cầu.  - HS theo dõi  - HS làm bảng con, nêu cách làm.  b. 15 : 27 = 0,5555… = 55,55%  c. 3,6 : 80 = 0,045 = 4,5%  d. 1,6: 6,4 = 0,25 = 25%  - HS nhận xét.  - Đội văn nghệ trường Võ Thị Sáu có 40 bạn, trong đó có 24 bạn nữ.  - Số bạn nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số bạn trong đội văn nghệ?  - HS làm bài.  - Lấy số bạn nữ chia cho số bạn của đội văn nghệ.  24 : 40 = 0,6 = 60%  - Tìm tỉ số phần trăm của hai số. (Dạng 1)  - HS trình bày. Nhận xét.  - HS nêu.  - HS đọc bài, xác định yêu cầu.  - Một khu vườn có diện tích 4000m2, trong đó diện tích đất trồng cây cảnh là 500m2  - Hỏi diện tích đất trồng cây cảnh chiếm bao nhiêu phần trăm diện tích khu vườn?  - HS làm vở nháp.  - HS đổi vở soát bài cho nhau.  - HS chia sẻ  - HS nêu  - Tìm tỉ số phần trăm của hai số. (Dạng 1)  - HS trình bày. Nhận xét.  - HS nêu.  - HS nêu  - HS nêu.  - HS nêu.  - HS thực hiện. |

**Tiết 7** **TỰ HỌC (TV)**

**Ôn tập**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** HS ôn tập Tiếng Việt tuần 15 ở phân môn đã học mà HS chưa hoàn thiện

**2. Năng lực:** Tự xác định phân môn chưa hoàn thành trong tuần đã học để làm bổ sung.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV**:TV, MT, MS.

**2. HS**: bảng con, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  + Em hãy nêu các bài học của tuần 15?  - Giới thiệu bài:  **2. Ôn tập**: (32- 34’)  - GV cho HS mở SGK, Vở bài tập TV.  - Yêu cầu HS tự làm bài nào còn thiếu. Nếu HS đã hoàn thiện thì tự đọc thầm các bài tập đọc đã học  - GV quan sát giúp đỡ.  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2- 4’)  - GV liên hệ…  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS nêu  - HS lấy SGK, VBT để làm .  - HS làm bài. |

**Thứ Năm ngày 28 tháng 12 năm 2023**

**Tiết 2**  **TOÁN**

**Sử dụng máy tính bỏ túi để giải toán về tỉ số phần trăm**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Ôn tập các bài toán cơ bản về tỉ số phần trăm.

- Kết hợp biết sử dụng máy tính bỏ túi để hỗ trợ giải các BT về tỉ số phần trăm.

**2. Năng lực**: HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức tỉ số phần trăm vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Phấn màu. TV, MT. Máy tính bỏ túi.

**2. Học sinh:** BC, nháp. Máy tính bỏ túi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Có mấy dạng toán về tỉ số phần trăm, là những dạng nào?  - Giới thiệu bài:  **2. Hình thành kiến thức**(14- 15’)  a.VD1: Tìm tỉ số phần trăm của 7 và 40  - Nêu cách tính theo quy tắc?  - Tính bằng máy tính ta sẽ nhấn vào nút nào?  - Đọc kết quả.  => Muốn tìm tỉ số phần trăm của 2 số bằng máy tính bỏ túi ta làm thế nào?  b. VD 2: Tính 34% của 56.  - Nêu cách làm theo quy tắc.  - GV hướng dẫn thực hiện trên máy: Ta lần lượt nhấn các phím: 5 6 x 3 4 %  - Gọi HS nêu kết quả.  => Muốn tính 1 số % của 1 số bằng máy tính bỏ túi ta làm thế nào?  c. VD 3: Tìm 1 số biết 65% của nó là 78  - Tiến hành như ví dụ 2.  => Nêu lại cách tính 1 số biết 1 số phần trăm của nó trên máy tính?  **3. Luyện tập:** (17 - 18')  a. Bài 1/83.  - GV yêu cầu HS làm nháp theo nhóm bàn.  - GV chấm chữa nhận xét.  - Bài thuộc dạng nào?  => Muốn tìm tỉ số phần trăm của HS nữ và tổng số HS toàn trường em đã làm thế nào?  - Nêu cách tìm tỉ số phần trăm của 2 số?  b. Bài 2/ 84  - GV chấm chữa, nhận xét.  + Với những HS yếu có thể sử dụng máy tính làm theo quy tắc  - Bài thuộc dạng nào?  => Nêu cách tìm 1 số phần trăm của 1 số?  c. Bài 3/84 (cho HS tiếp thu nhanh làm)  *\* Dự kiến sai lầm:* HS có thể nhầm lẫn giữa cách tìm 1 số % của 1 số với tìm 1 số biết 1 số % của nó ?  **3. Củng cố, dặn dò**: (2- 3')  - Em biết được kiến thức gì qua bài học hôm nay?  - Nêu cách sử dụng máy tính để tìm tỉ số % của 2 số; tìm 1 số phần trăm của 1 số; tìm 1 số biết 1 số phần trăm của nó?  - Về nhà học bài. Chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS nêu  7 : 40 x 100 = …. %  7 : 4 0 %  17,5%.  - HS nêu.  - 56 : 100 x 34 hoặc 56 x 34 : 100  - HS thực hành theo từng bước hướng dẫn của GV  - HS đọc kết quả của mình trên máy.  - HS nêu.  - HS thực hành trên máy.  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm nháp, nêu cách làm.  - Dạng 1  - HS nêu.  - HS nêu cách làm theo quy tắc và cách làm trên máy.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm nháp, nêu cách làm từng dòng.  - Dạng 2  - HS nêu cách làm theo quy tắc và cách làm trên máy.  - HS nêu.  - HS nêu.  - HS thực hiện. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 3**  **TẬP LÀM VĂN**

**Ôn tập về viết đơn**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Củng cố hiểu biết về cách điền vào giấy tờ in sẵn và biết cách làm 1 lá đơn cụ thể:

+ Biết điền đúng vào nội dung 1 lá đơn in sẵn.

+ Biết viết 1 lá đơn theo yêu cầu.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến rõ ràng, ngắn gọn; biết phối hợp với bạn khi làm việc nhóm, biết chia sẻ, nhận xét, đánh giá kết quả bài làm của bạn.

- KNS: Ra quyết định giải quyết định /giải quyết vấn đề.

Hợp tác làm việc theo nhóm, hoàn thành biên bản vụ việc.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**GV**: Mẫu đơn, vở bài tập Tiếng Việt, TV, MT, MS.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - Mở video  - Khi viết 1 lá đơn có thể viết dưới những hình thức nào?  - Nhận xét - GTB  **2. Luyện tập:** (32- 34')  \* Bài 1/170.  - Bài yêu cầu gì?  - Đây là 1 lá đơn in sẵn, các em cần hoàn thành vào những phần còn thiếu.  - Chữa bài, nhận xét.  => Nêu cấu tạo 1 lá đơn?  - Khi điền các thông tin vào 1 loại giấy tờ in sẵn nào đó cần lưu ý gì?  \* Bài 2/170.  - Bài yêu cầu gì?  - Nhắc nhở HS trước khi làm bài.  - GV chữa bài, nhận xét.  + Bạn viết đơn đã đúng yêu cầu của bài chưa?  => Khi viết đơn cần lưu ý gì?  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2- 4')  - Khi điền vào 1 mẫu giấy tờ in sẵn cần lưu ý gì?  - Về nhà ôn bài, chuẩn bị bài sau: Trả bài văn tả người. | - HS khởi động  - HS nêu.  - HS đọc bài.  - Hoàn thành đơn theo mẫu.  - HS làm vở bài tập  - HS đọc lá đơn mình vừa hoàn thành.  - HS khác nhận xét.  - HS nêu.  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - Viết đơn gửi ban giám hiệu xin học môn ngoại ngữ hoặc tin học.  - HS làm bài vào vở bài tập  - HS đọc bài làm của mình.  - HS khác đánh giá, bổ sung.  - HS nêu.  - HS nêu.  - HS nêu.  - HS thực hiện. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 4** **LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Ôn tập về câu**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Củng cố kiến thức về câu hỏi, câu kể, câu cảm, câu khiến.

- Củng cố kiến thức về các kiểu câu kể: Ai làm gì? Ai thế nào? Ai là gì?

- Xác định đúng phần trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ trong câu.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến ; tích cực hoạt động và hợp tác với bạn trong nhóm. Biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.** **GV:** TV, MT, MS, vở bài tập

**2.** **HS:** vở bài tập, nháp.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - Mở video  - Tìm 1 câu thành ngữ, tục ngữ trong đó có sử dụng cặp từ trái nghĩa?  - Thế nào là từ trái nghĩa?  - Nhận xét - GTB  **2. Luyện tập**: (32- 34')  \* Bài 1/171.  - Phần a yêu cầu gì?  - Chữa bài, nhận xét.  b, Phần b yêu cầu gì?  - Thảo luận nhóm bàn yêu cầu b.  => GV chốt lại các đặc điểm của từng kiểu câu.  \* Bài 2/171  - Bài có mấy yêu cầu?  - Các em đã học các kiểu câu kể nào?  - Các em phân loại các kiểu câu kể trong mẩu chuyện theo 3 kiểu câu trên. Sau đó xác định trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu.  => Nêu lại các kiểu câu kể? Cách xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các kiểu câu?  - Nêu tác dụng của trạng ngữ trong câu? (HS khá giỏi)  - Nêu đặc điểm của mỗi kiểu câu kể.  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2- 4')  - Nêu lại các kiểu câu đã học? Dấu hiệu để nhận biết các kiểu câu đó?  - Về nhà ôn bài, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS làm miệng theo dãy.  - HS nêu  - HS đọc yêu cầu.  - 1 HS đọc mẩu chuyện vui.  - Tìm 1 câu kể, 1 câu hỏi, 1 câu cảm, 1 câu khiến.  - HS làm vở bài tập (2 câu hỏi; 8 câu kể; 2 câu cảm; 1 câu khiến)  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - Nêu những dấu hiệu của mỗi kiểu câu?  - HS thảo luận nhóm bàn, làm VBT  - HS trình bày đặc điểm từng kiểu câu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - 2 yc: Phân loại các kiểu câu kể. Xác định thành phần của từng câu.  - Ba kiểu câu kể: Ai làm gì? Ai thế nào? Ai là gì?  - HS làm vở bài tập  - HS chữa miệng.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS nêu.  - HS nêu  - HS nêu  - HS nêu.  - HS thực hiện. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 5** **ĐỊA LÍ**

**Ôn tập**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

**-** Biết hệ thống hóa các kiến thức đã học về dân cư, các ngành kinh tế của nước ta ở mức độ đơn giản.

- Chỉ trên bản đồ một số thành phố, trung tâm công nghiệp, cảng biển lớn của nước ta.

- Biết hệ thống hóa các kiến thức đã học về địa lí tự nhiên VN ở mức độ đơn giản: đặc điểm chính của các yếu tố tự nhiên như địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng.

- Nêu tên và chỉ được vị trí một số dãy núi, đồng bằng, sông lớn, các đảo, quần đảo của nước ta trên bản đồ.

**2. Năng lực:** Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn.

**3. Phẩm chất:** Có ý thức bảo vệ các đ­ường giao thông và chấp hành luật giao thông khi đi đ­ường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**GV**: TV, MT. Bản đồ hành chính Việt Nam; bản đồ phân bố dân cư, kinh tế

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - GTB: Nêu MT tiết học.  **2. Hướng dẫn ôn tập** (30- 32')  a. Gv giới thiệu nội dung ôn tập  - Gv hướng dẫn bài ôn tập  - Yêu cầu HS nêu tên các bài đã học trongHKI  \* GV chia lớp thành 4 nhóm  - GV nêu câu hỏi :  + N1: Nêu vị trí giới hạn nước VN? Khí hậu  + N2: Nêu đặc điểm sông ngòi và vùng biển nước ta?  + N3: Dân số và sự phân bố dân cư?  + N4: Hãy nêu các ngành quan trọng ở nước ta?  - GV nhận xét chung  - GV đính bảng phụ lên bảng  **3. Củng cố, dặn dò** (1- 2')  - Nx giờ học, dặn chuẩn bị kiểm tra. | **-** Lắng nghe  - Hs nêu các bài đã học  - HS các nhóm đọc thầm bài  - Các nhóm thảo luận  - Các nhóm trình bày  - HS nhận xét, góp ý  - HS nghe |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 6** **TIẾNG VIỆT (BS)**

**Luyện Tiếng Việt**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Giúp học sinh.

a. Chính tả

- Nắm vững cấu tạo của tiếng, cấu tạo của vần và qui tắc ghi dấu thanh trong tiếng thông qua việc làm 2 bài tập trong vở ôn luyện tiếng việt.

b. Luyện chữ

- Giúp HS viết đúng mẫu, trình bày đẹp bài 3.

- Rèn chữ nghiêng, chữ thẳng nét thanh nét đậm cho HS.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin, trình bày ý kiến rõ ràng, ngắn gọn trước lớp, rèn chữ đẹp, giữ vở sạch.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu trường, lớp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: File chữ mẫu, PBT, màn hình, TV, MT, MS.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - GTB: Nêu MT tiết học.  **2. Hướng dẫn ôn tập** (30- 32')  a. Luyện chính tả  \* Bài 1:  - GV chấm chữa bài. Soi bài.  - Tiếng gồm những bộ phận nào?  - Vần gồm những bộ phận nào?  - Trong vần bộ phận nào không thể thiếu?  \* Bài 2:  - Những từ nào ghi thiếu dấu thanh?  - Nêu qui tắc ghi dấu thanh trong tiếng?  b. Luyện viết : Bài 3  - Gọi HS đọc bài  - Bài viết có mấy câu? Được trình bày ở thể loại nào?  - Bài yêu cầu viết theo kiểu chữ nào?  - Mỗi kiểu chữ trình bày mấy lần?  - Nêu cách trình bày bài?  - Cho HS quan sát vở mẫu.  - GV nhắc nhở tư thế ngồi viết.  - Cho HS viết bài vào vở  - GV bao quát chung  - GV chấm, nhận xét. Soi bài.  **3. Củng cố**, **dặn dò** (2- 3’)  - Nêu cách trình bày bài thơ lục bát?  - GV nhận xét giờ học. Về nhà viết tiếp phần còn lại, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động theo video  - Tiếng gồm âm đầu, vần thanh  + Vần gồm âm đệm, âm chính, âm cuối.  - Âm chính  - HS nêu  - HS đọc bài  - Gồm 1 câu thành ngữ và 6 câu thơ lục bát  - Chữ nghiêng, chữ thẳng, nét thanh nét đậm  - Mỗi kiểu 1 lần  - HS nêu  - HS quan sát  - HS viết bài vào vở  - HS nêu.  - HS thực hiện. |

**Tiết 7** **GIÁO DỤC** **TẬP THỂ**

**Sinh hoạt lớp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đánh giá các mặt hoạt động đã diễn ra trong tuần 17.

- Bàn biện pháp khắc phục những hạn chế của tuần này.

- Triển khai kế hoạch cho các hoạt động của tuần sau.

- Giúp HS nắm được và thực hiện đúng nội quy của HS trong nhà trường.

- HS có ý thức thực hiện đúng nội quy của HS trong nhà trường

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| ***1. Ổn định tổ chức lớp****:*  ***2. Lớp trưởng đánh giá các mặt hoạt động trong tuần :***  - GV Yêu cầu Ban cán sự lớp đánh giá hoạt động tuần qua.  - Yêu cầu HS nêu ý kiến. GV chốt.  - Nề nếp : *.............................................................*  - Học tập : *............................................................*  - Các mặt hoạt động khác : *............................*  ***3. Bình bầu cá nhân xuất sắc: 3- 5’***  - Khen : *................................................................*  - Chê: *....................................................................*  ***4. Lớp trưởng triển khai KH hoạt động của lớp trong tuần tới***  - Nề nếp  - Học tập  - Các mặt hoạt động khác .  ***5. GV chủ nhiệm phát biểu ý kiến chỉ đạo*** a. Đánh giá hoạt động tuần qua:  - GV nhận xét, đánh giá:  + Nề nếp: Ôn bài bước đầu có nề nếp.  + Học tập:  + Lao động, vệ sinh, công tác phòng chống dịch: tốt.  b. Hoạt động tuần tới:  - Duy trì nề nếp tốt. Đảm bảo trang phục và VSCN, phòng chống dịch Covid- 19, dịch sốt xuất huyết.  - Học tập: Ôn bài đầu giờ có chất lượng. Rèn thói quen tự học. Tích cực rèn chữ viết, ôn luyện TNTV.  - Các mặt hoạt động khác: Tích cực tham gia công tác Đội.  - Khắc phục những tồn tại tuần qua. | - Ban cán sự lớp đánh giá hoạt động tuần qua.  - Ý kiến của HS trong lớp.  - Nề nếp :  - Học tập :  *-* Các hoạt động khác :  - HS bình bầu.  - Nhận xét.  - Lớp trưởng triển khai KH hoạt động của lớp trong tuần tới  - Nề nếp  - Học tập  - Các mặt hoạt động khác .  - HS lắng nghe  - HS thực hiện. |

**Thứ Sáu ngày 29 tháng 12 năm 2023**

**Tiết 1**   **TOÁN**

**Hình tam giác**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Nhận biết đặc điểm của hình tam giác có: 3 cạnh, 3 đỉnh, 3 góc.

- Phân biệt được 3 dạng tam giác (Phân loại theo góc).

- Nhận biết đáy và đường cao (tương ứng) của hình tam giác.

**2. Năng lực:** HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức của hình tam giác vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:** phấn màu, ê ke, TV, MT, MS. Tấm bìa hình tam giác đều.

**2. HS:** Bảng con, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Nêu lại cách giải dạng toán về tỉ số phần trăm?  - Giới thiệu bài:  **2. Hình thành kiến thức** (14 - 15’)  a. Đặc điểm hình tam giác:  - GV yêu cầu HS qs hình vẽ trên MH  + Đọc tên hình tam giác?  + Tam giác ABC có mấy cạnh, là những cạnh nào?  + Có mấy đỉnh? Đọc tên đỉnh?  - Tam giác ABC có mấy góc đó là những góc nào?  => Nêu đặc điểm của hình tam giác?  - GV giới thiệu 3 dạng hình tam giác kết hợp với hình vẽ, thêm tam giác đều.  + Tam giác có 3 góc nhọn.  + Tam giác có 1 góc tù và 2 góc nhọn.  + Tam giác có 1 góc vuông 2 góc nhọn.  - GV đưa các dạng hình tam giác đã chuẩn bị lên màn hình yc HS nhận dạng.  b. Giới thiệu đáy và đường cao.  - GV giới thiệu hình tam giác ABC, nêu tên đáy BC và đường cao AH tương ứng.  => Nêu cách vẽ đường cao của 1 hình tam giác?  - GV giới thiệu đường cao của 3 dạng hình tam giác (MH).  - Lưu ý HS cách kẻ đường cao của tam giác có 1 góc tù và 1 góc vuông.  **3. Luyện tập:** (17- 18')  a. Bài 1/86  - GV nhận xét, chữa bài.  => Nêu đặc điểm của hình tam giác?  b. Bài 2/86  - Chữa bài, nhận xét. Soi bài. HS lên chỉ.  => Nêu cách kẻ đường cao của tam giác?  c. Bài 3/86  - GV chấm, chữa bài. Soi bài. HS lên chỉ.  - Em làm thế nào để so sánh được 2 hình tam giác, so ánh diện tích của hình tam giác và diện tích của hình chữ nhật?  *\* Dự kiến sai lầm:* Sau bài học nhiều HS sẽ không biết cách kẻ đường cao trong tam giác có 1 góc tù.  **3. Củng cố, dặn dò** (2 - 3')  - Em biết được kiến thức gì qua bài học hôm nay?  - Nêu đặc điểm của hình tam giác? Nêu cách kẻ đường cao trong hình tam giác?  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau: Diện tích hình tam giác. | - HS khởi động  - HS nêu.  - HS quan sát.  - Hình tam giác ABC  - Có ba cạnh: AB, BC, CA.  - Có 3 đỉnh: đỉnh A, đỉnh B, đỉnh C  - Có 3 góc: góc đỉnh A cạnh AB và AC gọi tắt là góc A…  - Hình tam giác có 3 cạnh, 3 đỉnh, 3 góc.  - HS quan sát.  - HS nêu lại các dạng hình tam giác    - HS nhận dạng hình tam giác.  - Độ dài đoạn thẳng từ đỉnh vuông góc với đáy tương ứng gọi là chiều cao của hình tam giác.  - HS quan sát  - HS quan sát.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm bảng con.  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm miệng.  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm vở, chữa miệng.  - HS nêu.  - HS nêu.  - HS nêu.  - HS thực hiện. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 3**  **TẬP LÀM VĂN**

**Trả bài văn tả người**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nắm được yêu cầu của bài văn tả người theo đề đã cho: bố cục trình tự miêu tả, chọn lọc chi tiết, cách diễn đạt, trình bày.

- Biết tham gia sửa lỗi chung; biết tự sửa lỗi thầy cô yêu cầu chữa trong bài viết của mình, tự viết lại 1 đoạn hoặc cả bài cho cả bài cho hay hơn.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt, có ý thức tự nhận lỗi và sửa lỗi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:** TV, MT, MS,

**2. HS**: Vở bài tập

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt độngcủa trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - Mở video  - Nêu cấu tạo của bài văn tả người?  - Nhận xét - GTB  **2. Chữa bài, chữa lỗi**: (32- 34’)  \* Nhận xét chung về bài làm của HS.  - Ưu điểm: HS hiểu đề, viết đúng yêu cầu của đề, bố cục bài tương đối rõ ràng, 1 số bài viết tốt có cảm xúc có hình ảnh....  - Nhược điểm: 1 vài bài viết còn sai lỗi chính tả, bố cục chưa rõ ràng, dùng từ chưa chính xác, phần tả hoạt động còn nhầm sang kể ...  \* Chữa lỗi.  - GV chép các lỗi lên bảng.  + Lỗi chính tả  + Lỗi dùng từ:  - Yêu cầu HS tự phát hiện thêm các lỗi trong bài làm của mình và tự sửa.  + GV bao quát chung đến từng bàn giúp đỡ HS.  \* Đọc cho HS nghe 1 vài đoạn viết, bài viết hay.  - Theo em đoạn viết của bạn hay ở điểm nào?  - Cho HS chọn 1 đoạn viết chưa hay trong bài viết của mình và viết lại.  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2- 4')  - Nêu lại dàn bài chung của bài văn tả người?  - Về nhà ôn bài, chuẩn bị bài sau: Ôn tập học kì 1. | - HS khởi động  - HS nêu  - HS đọc lại 4 đề bài.  - HS nghe.  - HS chữa lỗi ở bảng lớp.  - HS làm vở bài tập  - HS nghe.  - HS nêu.  - HS làm vở bài tập  + HS trình bày đoạn viết của mình.  - HS nêu.  - HS thực hiện. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 4** **KHOA HỌC**

**Kiểm tra định kì cuối HKI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Kiểm tra các kiến thức về:

- Đặc điểm giới tính.

- Cách dùng thuốc an toàn.

- Một số biện pháp phòng bệnh có liên quan đến việc giữ vệ sinh cá nhân.

- Tính chất và công dụng của một số vật liệu đã học.

**2. Năng lực:** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá TGTN, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**3. Phẩm chất:** Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Đề và đáp án bài KTĐK HKI.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Đề bài**

**I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

***Khoanh vào chữ đặt tr­ước câu trả lời đúng:***

**Câu 1:** Sự khác biệt nào giữa nam và nữ là không thay đổi theo thời gian, nơi ở, màu da,...?

A. Sự khác biệt về tính cách giữa nam và nữ.

B. Sự khác biệt về mặt sinh học giữa nam và nữ.

C. Sự khác biệt về sở thích giữa nam và nữ.

**Câu 2:** Bệnh nhiễm HIV/AIDS lây truyền qua đ­ường nào?

A. Đ­ường tình dục, đư­ờng máu.

B. Từ mẹ sang con khi mang thai.

C. Cả hai đáp án trên.

**Câu 3:** Bệnh nào do một loại vi- rút gây ra, vi- rút này có thể sống trong máu gia súc, chim, chuột, khỉ,…; bệnh bị lây truyền do muỗi hút máu các

con vật bị bệnh rồi truyền vi- rútgây bệnh sang người ?

A. Bệnh viêm não.

B. Bệnh sốt xuất huyết.

C. Bệnh viêm gan A.

**Câu 4**: Để dệt thành vải may quần, áo, chăn, màn ng­ười ta sử dụng vật liệu nào?

A. Tơ sợi.

B. Cao su.

C. Chất dẻo.

**Câu 5**: Để phòng tránh bị xâm hại các em phải làm gì?

A. Không đi nhờ xe ngư­ời lạ và không đi một mình nơi tối tăm vắng vẻ.

B. Không nhận quà và sự giúp đỡ ng­ười khác mà không rõ lí do, để ng­ười lạ vào nhà.

C. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 6: Quan sát các vật bằng đồng và hợp kim của đồng xung quanh em và cho biết đồng và hợp kim của đồng được sử dụng để làm gì?**

**A. Làm bàn ghế, đồ mĩ nghệ**

**B. Làm đường dây điện, nhạc cụ, đúc tượng**

**C. Làm đường ray tàu hỏa**

**Câu 7: Sử dụng ma túy có hại cho sức khỏe và nhân cách của người nghiện ma túy như thế nào?**

A. Sức khỏe của người nghiện bị hủy hoại: mất khả năng lao động, học tập; hệ thần kinh bị tổn hại. Tiêm chích ma túy dễ bị lây nhiễm HIV, nếu quá liều có thể bị chết.

B. Khi lên cơn nghiện không làm chủ bản thân, người nghiện có thể làm bất cứ việc gì kể cả ăn cắp, cướp của, giết người để có tiền mua ma túy.

C. Tất cả các ý trên.

**Câu 8: Ý nào dưới đây không phải là ứng dụng của thủy tinh trong cuộc sống?**

**A. Làm chi tiết của đồ điện.**

**B. Làm kính xây dựng. kính máy ảnh, ống nhòm.**

**C. Làm chai, lọ trong phòng thí nghiệm, đồ dùng y tế, vật liệu trang trí.**

**II. TỰ LUẬN** (6 điểm)

**Câu 9** : Nêu cách phòng bệnh viêm não?

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Câu 10**: Hãy nêu cách dùng thuốc an toàn ?

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**BIỂU ĐIỂM VÀ ĐÁP ÁN**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 |
| B | C | C | A | C | B | C | A |

**II. PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 9:** (3 điểm)

- Vệ sinh nhà ở và môi trường xung quanh sạch sẽ.

- Diệt muỗi, diệt bọ gậy.

- Ngủ màn, tẩm màn bằng hóa chát diệt muỗi.

- Tránh để muỗi đốt.

- Tiêm phòng viêm não.

**Câu 10:** (3 điểm) Cách dùng thuốc an toàn:

- Chỉ dùng thuốc khi thật cần thiết, dùng đúng thuốc, đúng cách và đúng liều lượng. Cần dùng thuốc theo chỉ định của bác sĩ, đặc biệt là thuốc kháng sinh.

- Khi mua thuốc cần đọc kĩ thông tin trên vỏ và bản hướng dẫn kèm theo, để biết hạn sử dụng, nơi sản xuất, tác dụng và cách dùng thuốc.

- Dừng uống thuốc ngay và đến cơ quan y tế nếu có phản ứng thuốc.

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_